

Số: 135/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 17-10-2025 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Chu Văn Th, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ 8B, khu 7, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Nguyễn Thùy Tr, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ 8B, khu 7, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Văn Th và chị Nguyễn Thùy Tr tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường C, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 20-6-2016, nên hôn nhân của anh Th và chị Tr là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Th và chị Tr chung sống hạnh phúc đến ngày 12-9-2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh Th và chị Tr đã sống ly thân từ ngày 12-9-2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Th và chị Tr đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh, chị. Xét thấy, việc anh Th và chị Tr thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Th và chị Tr có 01 (*một*) con chung là Chu Quỳnh Nh, sinh ngày 26-7-2016. Hiện nay cháu Nhi có sức khỏe bình thường. Ly hôn,

anh Th và chị Tr thỏa thuận giao con chung là Chu Quỳnh Nh cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh Th và chị Tr là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th và chị Tr thỏa thuận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh Th và chị Tr là tự nguyện, phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Th và chị Tr thỏa thuận chị Tr có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết Th hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 23-10-2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Văn Th và chị Nguyễn Thùy Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung là Chu Quỳnh Nh, sinh ngày 26-7-2016 cho anh Chu Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thùy Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Th và chị Tr thỏa thuận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Th và chị Tr thỏa thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Th và chị Tr thỏa thuận chị Tr có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị Tr đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001262 ngày 16-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; chị Tr đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường C, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN**Bùi Thị Tố Nga**